

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2020/HNGĐ- PT.

Ngày: 11/6/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều T.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hồng L

Bà Trần Thị Thanh T

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh H - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H : Ông Nguyễn Mạnh T – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H , xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 61/2020/TLPT - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2019/HNGĐ - ST, ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T , thành phố H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2020/QĐ – PT ngày 12 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐ-HPT ngày 30/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐ-HPT ngày 19/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐ-HPT ngày 25/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐ-HPT ngày 30/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh ***Nguyễn Khương V***, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: P206-C2 T, quận T, thành phố H (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Chị ***Vũ Thị M***, sinh năm 1978

Nơi ĐKKHKT: Phòng 206 – C2 T, quận T, thành phố H. Chỗ ở hiện nay: 107 – I5 T, quận T, thành phố H (Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ***Luật sư Phan Tùng L*** và ***Luật sư Hà Minh H***, Công ty luật hợp danh N, đoàn Luật sư thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Khương V trình bày:***

- Về tình cảm: Anh và chị Vũ Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2017 tại UBND phường T, quận T, thành phố H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng không sinh sống cùng nhau một ngày nào do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trước đây hai anh chị đã kết hôn nhưng do vợ chồng mâu thuẫn nên tháng 9/2015, anh chị đã được Tòa án nhân dân quận T xét xử cho hai vợ chồng ly hôn nhưng vì thương con nên anh chị có đi đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên, từ thời điểm này, anh chị không còn chung sống cùng nhau một ngày nào, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nên anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung: Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 21/4/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013. Hiện cháu Bảo A ở với anh V, cháu Bảo C đang ở với chị My. Anh V xin nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A và để chị M nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

****Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm bị đơn chị Vũ Thị M trình bày:***

Chị và anh V đăng ký kết hôn lần đầu năm 2011 tại UBND phường T, quận T, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 21/4/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013. Năm 2015, anh V khởi kiện xin ly hôn nhưng chị không đồng ý và Tòa án nhân dân quận T đã xử anh V được ly hôn chị. Sau khi có bản án của Tòa án, anh V cho chị biết lý do anh V xin ly hôn để nhằm giúp anh làm hồ sơ đi lao động, định cư ở Đức, mục đích đi Đức làm việc để anh kiếm tiền nuôi các con và gia đình. Anh V có xin lỗi và hứa chăm sóc các con, chăm nom gia đình nên chị đã tha thứ. Ngày 13/7/2017, chị và anh V đăng ký kết hôn lại. Từ khi đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống bình thường, trong gia đình chị là người kiếm tiền, anh V ít khi chu cấp tiền để chị nuôi hai con. Đến đầu năm 2019, gia đình chị có biến cố, chị tạm thời dừng công việc để chăm sóc bố ốm nên tài chính bị gián đoạn, vợ chồng có xích mích nhỏ xuất phát từ việc chị yêu cầu anh V đưa tiền để chị chăm sóc các con, vì vậy từ đó đến nay anh chị chưa hòa giải. Nay anh V xin ly hôn chị không đồng ý vì anh V đã ngoại tình với người khác, vì vậy chị không đồng ý để anh V ly hôn để kết hôn với người khác.

Về con chung: Chị thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 21/4/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013. Chị không đồng ý để anh V nuôi cháu Bảo A, mặc dù hiện nay anh V đã tách cháu Bảo A và đưa cháu về nhà nuôi, tuy nhiên việc chăm sóc cháu là do mẹ chồng chăm sóc, anh V không có công việc ổn định nên chị xin được nuôi cả hai con và yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung nào ngoài số tiền khoảng gần 100.000.000 đồng để coi nói, sửa chữa nhà tại P206-C2. Tuy nhiên do thời gian lâu nên chị không có bất kỳ giấy tờ nào về việc sửa chữa này.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2019/HNGĐ - ST, ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H đã quyết định như sau :

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 khoản 4, Điều 271, Điều 272, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Khương V đối với chị Vũ Thị M, anh V được ly hôn với chị M .

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 21/4/2011 cho anh Nguyễn Khương V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013 cho chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Khương V và chị Vũ Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác và cùng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2019 chị Vũ Thị M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án. Chị cho rằng HĐXX sơ thẩm chưa đánh giá khách quan các chứng cứ của vụ án, áp dụng pháp luật chưa phù hợp gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Vũ Thị M rút một phần kháng cáo, chị M đồng ý ly hôn anh V và đồng ý mỗi người nuôi con như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, chị M yêu cầu anh V thanh toán cho chị 100.000.000đồng sửa chữa nhà. Anh Nguyễn Khương V không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý yêu cầu thanh toán của chị M .

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Vũ Thị M sau khi phát biểu bài bảo vệ đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị Vũ Thị M hợp lệ. Sau khi phát biểu nội dung và căn cứ giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ luật Hôn nhân gia đình, căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật dân sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Đơn kháng cáo của chị Vũ Thị M trong thời hạn Luật định nên được coi là hợp lệ. Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Khương V là người trực tiếp nộp đơn ly hôn tại Tòa án, anh V cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của mình cũng như địa chỉ chị M. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi cư trú của bị đơn

Về tình cảm: Năm 2011, anh Nguyễn Khương V và chị Vũ Thị M đăng ký kết hôn lần đầu tại UBND phường T. Đến năm 2015, anh V khởi kiện xin ly hôn chị M tại Tòa án nhân dân quận T. Tại bản số 26/2015/HNGĐ-ST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân quận T đã xét xử cho anh V được ly hôn chị M. Đến ngày 13/7/2017, anh V và chị M đã tự nguyện đăng ký kết hôn lại tại UBND phường T. Theo anh V từ khi đăng ký kết hôn lại anh và chị M đã không sinh sống cùng nhau do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn; Chị M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình “ *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau chia sẻ ...vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau* ” nhưng xét thấy, hôn nhân giữa anh V và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, năm 2015 đã được Tòa án nhân dân quận T cho ly hôn, mặc dù anh chị đã đăng ký kết hôn lại nhưng từ năm 2018 anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy có thể thấy cuộc sống chung của anh V chị M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V đối với chị M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm chị M đã đồng ý ly hôn anh V. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V là có căn cứ phù hợp với điều 19, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Về con chung: Anh Nguyễn Khương V và chị Vũ Thị M có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 21/4/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013. Tại phiên tòa, chị M rút kháng cáo đồng ý phán quyết Tòa sơ thẩm về việc giao con chung. Do cháu Nguyễn Ngọc Bảo C còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh V nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A và chị Vũ Thị M nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C là có căn cứ, hai bên

không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận nên phần con chung giữ nguyên như án sơ thẩm tuyên

Về tài sản chung(*Động sản, bất động sản và nợ*): Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với số tiền 100.000.000đồng chị M cho rằng đây là tiền hai vợ chồng sử dụng để sửa chữa nhà. Tuy nhiên chị M không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và cũng không có giấy tờ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm chị M đề nghị anh V hỗ trợ cho chị số tiền trên song anh V không đồng ý nên chị M yêu cầu anh V phải thanh toán. Xét yêu cầu này không giải quyết tại cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết. Dành cho anh chị quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Khương V phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

Chị Vũ Thị M không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị M.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2019/HNGĐ - ST, ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H đã quyết định như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Khương V. Anh Nguyễn Khương V được ly hôn chị Vũ Thị My.

2/ Về con chung: Xác nhận anh Nguyễn Khương V và chị Vũ Thị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 21/4/2011 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 21/4/2011 cho anh Nguyễn Khương V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/11/2013 cho chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Khương V và chị Vũ Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác và cùng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Không chấp nhận giải quyết yêu cầu của chị M , dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác cho đương sự khi có yêu cầu.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Khương V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006144 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T . Chị Vũ Thị M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, trả lại chị M 300.000đồng tạm ứng án phí (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006521 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND quận T
- VKSND TP H .
- Đương sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều T